

Bản án số: 60/2021/DS-ST

Ngày 16 tháng 7 năm 2021

V/V: "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2021/TLST-DS ngày 20/4/2021 về "*Tranh chấp về hợp đồng hợp tác bán hàng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST - DS ngày 15/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-DS ngày 30/6/2021 giữa:

* Nguyên đơn: Ông Thái Bá C, sinh năm 1946; Địa chỉ: Khối 12 cũ, khối 6 mới, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh N.

(Có đơn xin vắng mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Bà Giáp Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B.

(Bà H có mặt)

* Bị đơn: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam.

Địa chỉ: Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn C; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Thái Bá C trình bày:

Qua người quen giới thiệu, ông C biết đến Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam, được cung những tài liệu liên quan đến Công ty: Giấy phép đã được Bộ y tế - Cục an toàn vệ sinh thực phẩm chứng nhận, được hưởng chương trình tri ân có khuyến mãi cao lại không rủi ro. Do tin tưởng vừa được mua sản phẩm sử dụng bảo vệ sức khỏe cho các thành viên trong gia đình và được hưởng các chương trình tri ân hấp dẫn nên ngày 04/10/2014, ông C tham gia ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 072595/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam. Sau khi ký hợp đồng, ông C đã tham gia 3 chương trình:

Chương trình 1 “Nổi vòng tay lớn” từ ngày 04/10/2014, ông C đã mua của công ty 9 gói sản phẩm, giá mỗi gói sản phẩm là 8.450.000 đồng. Ông C đã nộp vào công ty 76.050.000 đồng.

Chương trình 2 “Cuộc sống thịnh vượng” từ ngày 08/4/2014, ông C đã mua của công ty 23 gói sản phẩm, giá mỗi gói sản phẩm là 9.888.000 đồng. Ông C đã nộp vào công ty 227.424.000 đồng.

Chương trình 3 “Vượt vũ môn” từ ngày 15/10/2015, ông C đã mua của công ty 68 gói sản phẩm, giá mỗi gói sản phẩm là 11.880.000 đồng. Ông C đã nộp vào công ty 807.840.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ 04/10/2014 đến 28/10/2015, tổng số tiền ông C nộp vào công ty để tham gia cả 3 chương trình trên là 1.111.314.000 đồng (một tỷ một trăm mười một triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng), tương đương 100 gói sản phẩm. Ông C được Công ty giao cho 100 phiếu đặt hàng, các phiếu đặt hàng đều ghi rõ số tiền nộp và đơn giá gói hàng. Số tiền ông nộp vào mua hàng của Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam là tiền riêng của ông, không liên quan đến thành viên nào trong gia đình.

Mục đích ông C nộp tiền để mua sản phẩm thực phẩm chức năng chăm sóc sức khỏe. Các mặt hàng chủ yếu là cao hồng sâm. Ngoài ra, người của công ty còn giới thiệu với ông là khi tham gia các chương trình trên còn được hưởng các quyền lợi như tri ân như: tham gia mua 01 gói hàng của chương trình “Nổi vòng tay lớn” thì sau 2 đến 3 năm sẽ được hưởng tri ân 333.680.000 đồng và 01 xe máy SH 125; tham gia mua 01 gói hàng của chương trình “Cuộc sống thịnh vượng” thì sau 2 đến 3 năm sẽ được hưởng tri ân 117.00.000 đồng và 01 xe camry 2.0E2051; tham gia mua 01 gói hàng của chương trình “Vượt vũ môn” thì sau 2 đến 3 năm sẽ được hưởng tri ân 58.000.000 đồng và bảo trợ 22.000.000 đồng cho người giới thiệu.

Kể từ ngày nộp tiền mua các sản phẩm trên đến nay, ông C đã lấy 19 gói sản phẩm, nộp lại cho công ty 19 phiếu đặt hàng. Ông có được nhận số tiền 92.130.000 đồng là tiền tri ân.

Tại các phiếu đặt hàng mà ông cung cấp cho Tòa án có chữ ký của một vài nhân viên (kế toán, thủ kho, người viết phiếu) của Công ty nhưng ông không biết họ tên, năm sinh và địa chỉ của những người này. Trên phiếu đặt hàng còn có chữ ký của chị Phạm Thị Lý là Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần LMTD Việt Nam tại N. Khi ông đến Chi nhánh Công ty cổ phần LMTD Việt Nam tại N yêu cầu trả nốt số hàng còn lại nhưng công ty không trả nên ông có yêu cầu chị Lý xác nhận ông còn 81 gói sản phẩm chưa lấy hàng. Sau này, ông có một vài lần nữa đến công ty nhưng không gặp chị Lý nữa. Ông cũng không biết địa chỉ của chị Lý ở đâu. Ông đề nghị Tòa án không đưa chị Lý và những nhân viên (kế toán, thủ kho, người viết phiếu) của Công ty mà ông đã từng gặp, làm việc vào tham gia tố tụng do ông không cung cấp được được địa chỉ cụ thể của những người này.

Hiện Công ty còn nợ ông 81 gói hàng tương đương với số tiền 936.384.000 đồng đến nay chưa trả. Ông tự nguyện trừ đi số tiền 92.130.000 đồng là tiền tri ân ông nhận từ công ty. Số tiền Công ty chưa trả cho ông là 844.254.000 đồng.

Năm 2017, ông phát hiện Công ty CP LMTD bị rút giấy phép kinh doanh bán hàng đa cấp do vi phạm Nghị định 42 của Bộ công thương và bị xử phạt 409 triệu đồng cộng với hàng nghìn đơn thư khiếu kiện của các cộng tác viên trên 54 thị trường.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết các nội dung sau: Buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam trả cho ông số tiền 844.254.000 đồng. Ngoài ra ông C không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/12/2020, đại diện phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B cung cấp như sau: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam vẫn đăng ký trụ sở tại địa chỉ N24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B. Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh gì và không còn treo biển hiệu tại địa chỉ trên, không có nhân viên để nhận văn bản, hiện công ty khác đã thuê lại để đặt trụ sở.

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng đại diện của Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không đến Tòa án làm việc và cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần LMTD Việt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”, Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

Ngày 30/6/2021, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng do đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo pháp luật của bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do. Nguyên đơn ông Thái Bá C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Bộ luật dân sự, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày

14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Bá C, buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho ông C số tiền 844.254.000 đồng.

Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 04/10/2014, Công ty cổ phần LMTD Việt Nam và ông Thái Bá C đã ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 072595/HĐ-LMTD, thời gian là 01 năm và có hiệu lực pháp lý kể từ thời điểm hai bên ký kết. Căn cứ hợp đồng trên, ông C có nộp tiền mua hàng của Công ty cổ phần LMTD Việt Nam nhưng đến nay chưa được giao đủ số hàng đã mua. Ông C đã đòi nhiều lần nhưng Công ty chưa trả. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp nên ông C khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ tranh chấp giữa ông C với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự (cụ thể là tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng)*”. Bị đơn Công ty cổ phần LMTD Việt Nam có địa chỉ trụ sở tại Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải

quyết yêu cầu của ông C là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông C về việc buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả 844.254.000 đồng.

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do ông C cung cấp, có căn cứ xác định: Ngày 04/10/2014, ông C ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 072595/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam - trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp. Ông C đã mua của công ty 100 gói hàng (chủ yếu là sản phẩm Cao hồng sâm), giá mỗi gói sản phẩm là 8.450.000 đồng, 9.888.000 đồng hoặc 11.880.000 đồng (tùy thời điểm lấy hàng). Tổng cộng số tiền ông C đã nộp vào Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam là 1.111.314.000 đồng. Ông C đã lấy và sử dụng 19 gói sản phẩm và nộp lại cho công ty 19 phiếu đặt hàng. Hiện Công ty chưa trả ông C 81 gói hàng.

[3.2] Ngày 03/10/2016, cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty cổ phần LMTD Việt Nam đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP.

[3.3] Ông C yêu cầu Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả 844.254.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu trên của ông C.

[4] Về án phí: Yêu cầu của ông C được chấp nhận nên Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều

26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả ông Thái Bá C số tiền 844,254.000 đồng.

2. Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu 37.327.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Thảo